

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
A	TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN (I+II+III)							700.749	258.447	442.302	162.334	123.827	38.507	34.091	21.175	12.916	116.930	106.930	10.000	115.397	97.771	17.626	-1.533	-19.897	18.364		
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							1.087	1.087	0	1.570	870	700	0	0	0	800	300	500	1.370	870	500	570	0	570		
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN							699.662	257.360	442.302	157.739	121.486	36.253	33.224	20.308	12.916	115.130	106.630	8.500	112.631	96.505	16.126	-2.499	-19.897	17.398		
1	Dự án chuyển tiếp							484.829	130.023	354.806	81.176	47.293	33.883	29.882	18.361	11.521	33.829	26.025	7.804	39.410	24.259	15.151	5.581	-8.817	14.398		
2	Dự án khởi công mới							214.833	127.337	87.496	76.563	74.193	2.370	3.342	1.947	1.395	81.301	80.605	696	73.221	72.246	975	-8.080	-11.080	3.000		
III	BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC										3.025	1.471	1.554	867	867	0	1.000	0	1.000	1.396	396	1.000	396	0	396		
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí do dự, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)																1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0		
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán và KLHT sau phê duyệt quyết toán										3.025	1.471	1.554	867	867	0	0	0	0	396	396	0	396	0	396		
B	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN							700.749	258.447	442.302	162.334	123.827	38.507	34.091	21.175	12.916	116.930	106.930	10.000	115.397	97.771	17.626	-1.533	-19.897	18.364		
B.1	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG							700.749	258.447	442.302	125.022	119.206	5.816	25.093	21.175	3.918	106.930	106.930		97.771	97.771	0	-9.159	-16.653	7.494		
	CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC							700.749	258.447	442.302	125.022	119.206	5.816	25.093	21.175	3.918	106.930	106.930	0	97.771	97.771	0	-9.159	-16.653	7.494		
I	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP							505.729	121.636	384.093	37.725	34.980	2.745	19.372	16.971	2.401	20.672	20.672		17.957	17.957	0	-2.715	-7.494	4.779		
I.1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							1.087	1.087	0	870	870	0	0	0	0	300	300		870	870	0	570	0	570		
1	Trường THCS Tân Phú	TP				2024-2026	QĐ số 42/QĐ-BQLĐA ngày 16/01/2023	379	379		370	370					200	200		370	370		170		170	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường THCS Hòa Bình Thanh điểm phụ (Hòa Hưng)	HBT				2024-2026	QĐ số 44/QĐ-BQLĐA ngày 16/01/2023	708	708		500	500			0		100	100		500	500		400		400	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
I.2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							504.642	120.549	384.093	36.855	34.110	2.745	19.372	16.971	2.401	20.372	20.372		17.087	17.087	0	-3.285	-7.494	4.209		
*	Dự án chuyển tiếp							387.974	91.377	296.597	29.838	27.763	2.075	16.755	15.024	1.731	16.772	16.772	0	12.687	12.687	0	-4.085	-5.794	1.709		
1	Trường MG Tân Phú điểm chính (Tân Lợi)	TP		8071399		2023-2026	63/QĐ-UBND 05/01/2024; 772/QĐ-UBND 13/5/2024	25.382	7.325	18.057	3.434	2.000	1.434	2.463	1.373	1.090	627	627		627	627		0		0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024	26.860	6.582	20.278	2.435	2.435		1.400	1.400		1.000	1.000		1.035	1.035		35		35	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
3	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024	41.122	11.180	29.942	3.101	3.101		1.642	1.642		2.050	2.050		1.459	1.459		-591	-591		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024 ; 1671/QĐ-UBND 31/10/2024	37.735	6.215	31.520	3.944	3.944		2.610	2.610		1.281	1.281		1.281	1.281					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
5	Trường MG Bình Thạnh	BT		8027343		2022-2025	651/QĐ-SXD 15/5/2023; 954/QĐ-UBND 11/6/2024	34.464	7.566	26.898	2.224	2.224		1.675	1.675		1.049	1.049		549	549		-500	-500		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
6	Trường TH B Bình Thạnh điểm chính (Thạnh Hòa)	BT		8026319		2022-2025	617/QĐ-UBND ngày 09/5/2023; 1508/QĐ-UBND ngày 18/9/2023; 4374/VPUĐ-UBND-KTN ngày 23/08/2024	32.858	7.410	25.448	2.890	2.249	641	2.140	1.499	641	1.100	1.100		750	750		-350	-350		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
7	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023	25.101	5.640	19.461	1.400	1.400		839	839		561	561		561	561					Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
8	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH		8115920		2023-2025	429/QĐ-UBND 24/11/2023	3.006	3.006		1.800	1.800					1.139	1.139		1.800	1.800		661	661		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	HBT		7988714		2023-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022	53.348	12.493	40.855	1.963	1.963		1.218	1.218		0			745	745		745	745		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
9	Trường MG Tân Phú điểm phụ (Tân Thạnh)					CBĐT 2021; THĐT 2022-2025	333/QĐ-SXD 29/8/2022; 1116/VPUĐ-UBND-KGVX 04/03/2025	4.580	951	3.629	700	700		433	433		0			268	268		268	268		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
10	Dầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021-2025 huyện Châu Thành	Các xã		8036439		CBĐT 2022-2023; THĐT 2024-2026	1078/QĐ-UBND 07/7/2023; 377/QĐ-UBND 24/03/2025	85.584	17.856	67.728	4.257	4.257		1.845	1.845		4.165	4.165		2.412	2.412		-1.753	-1.753		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
11	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025	CT		8034288		2023-2026	145/QĐ-UBND 13/02/2023	17.934	5.153	12.781	1.690	1.690		490	490		3.800	3.800		1.200	1.200		-2.600	-2.600		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
*	Dự án khởi công mới							116.668	29.172	87.496	7.017	6.347	670	2.617	1.947	670	3.600	3.600	0	4.400	4.400	0	800	-1.700	2.500		
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023	30.051	6.716	23.335	1.600	1.600		500	500		1.100	1.100		1.100	1.100		0	0	0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
2	Trường THCS Vĩnh Hạnh	VH		7977068		2024-2026	2309/QĐ-UBND 15/9/2022	44.256	12.051	32.205	2.417	1.747	670	2.117	1.447	670	2.000	2.000		300	300		-1.700	-1.700		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
3	Trường THCS Bình Thạnh	BT		8006139		2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022	42.361	10.405	31.956	3.000	3.000					500	500		3.000	3.000		2.500	2.500		Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
II	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							198.569	132.360	58.209	79.821	78.304	1.517	4.854	3.337	1.517	81.807	81.807		74.967	74.967	0	-6.840	-9.159	2.319		
II.1	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN (DANH MỤC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG)							1.719	1.719		1.719	1.719					1.719	1.719		1.719	1.719	0	0	0	0		
	Dự án khởi công mới							1.719	1.719		1.719	1.719					1.719	1.719		1.719	1.719	0	0	0	0		
1	Gia cố sạt lở kênh Rạch Giá - Long Xuyên (Đoạn chứa Kho me Vĩnh Thành)	VT				2025	48A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.719	1.719		1.719	1.719					1.719	1.719		1.719	1.719	0	0	0	0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	Vấn đề bổ sung có mục tiêu năm 2024
II.2	GAO THÔNG							188.850	130.641	58.209	78.102	76.585	1.517	4.854	3.337	1.517	80.088	80.088		73.248	73.248	0	-6.840	-9.159	2.319		
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							188.850	130.641	58.209	78.102	76.585	1.517	4.854	3.337	1.517	80.088	80.088		73.248	73.248	0	-6.840	-9.159	2.319		
*	Dự án chuyển tiếp							96.855	38.646	58.209	16.426	14.909	1.517	4.854	3.337	1.517	9.253	9.253	0	11.572	11.572	0	2.319	0	2.319		
1	Tuyến DH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Trĩ Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 4311/VPUBND-KTN ngày 20/08/2024	74.869	29.521	45.348	8.909	8.909		412	412		7.253	7.253		8.497	8.497		1.244		1.244	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
2	Tuyến DH.03 (cầu Trà Can-Bình Chánh)	CT		8026698		CBĐT 2021-2022; THĐT 2023-2025	300/QĐ-UBND 15/3/2023; CV 7162/VPUBND-KTN 31/12/2024	21.986	9.125	12.861	7.517	6.000	1.517	4.442	2.925	1.517	2.000	2.000		3.075	3.075		1.075		1.075	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	
	Dự án khởi công mới							91.995	91.995	0	61.676	61.676	0	0	0	0	70.835	70.835		61.676	61.676	0	-9.159	-9.159	0		
1	Sửa chữa tuyến đường giao thông nông thôn (tuyến kênh Thanh Niễn)	VB				2025	42A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	7.171	7.171		7.171	7.171					7.171	7.171		7.171	7.171		0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường từ Đình Sơn Trung đến giáp Châu Phú	VA				2025	44A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.724	2.724		2.724	2.724					2.724	2.724		2.724	2.724		0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Mường Nhài Thỉ (đường chính qua xã Bình Thạnh)	BH				2025	45A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	2.994	2.994		2.994	2.994					2.994	2.994		2.994	2.994		0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Vấn đề bổ sung có mục tiêu năm 2024
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mường Lộ Chín Quán	AH				2025	47A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	2.837	2.837		2.837	2.837					2.837	2.837		2.837	2.837		0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	
5	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường DH06 (đoạn từ cầu Tân Thành 2 đến cầu Ba Dấu)	VT				2025	46A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.578	1.578		1.578	1.578					1.578	1.578		1.578	1.578		0	0	0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện DH.08, xây dựng cầu Đúc kênh Cũ và cầu sắt Rạch Láng (Vĩnh Nhuận - Vĩnh Hạnh)	VN-VH				2025-2026	55A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	49.234	49.234		28.384	28.384					28.384	28.384		28.384	28.384		0	0	0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	Vấn đề bổ sung có mục tiêu năm 2024

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Châu Thành)				Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025				Chênh lệch tăng (+), giảm (-)				Chủ đầu tư	Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28					
7	Xây dựng mới cầu Vĩnh Nhuận - Tân Phú (thuộc tuyến đường huyện DH.06)	VN				2025-2026	56A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	20.463	20.463		10.994	10.994					20.153	20.153		10.994	10.994		-9.159	-9.159	0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024: 10.994 triệu đồng					
8	Xây dựng các ô trồng, phân, cây dõ và một số giống cây	CT				2025	57A/QĐ-UBND ngày 26/02/2025	4.994	4.994		4.994	4.994					4.994	4.994		4.994	4.994		0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024					
III	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI							4.451	4.451	0	4.451	4.451	0	0	0	0	4.451	4.451		4.451	4.451	0	0	0	0							
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ							4.451	4.451	0	4.451	4.451	0	0	0	0	4.451	4.451		4.451	4.451	0	0	0	0							
	Dự án khởi công mới							4.451	4.451	0	4.451	4.451	0	0	0	0	4.451	4.451		4.451	4.451	0	0	0	0							
1	Nâng cấp, sửa chữa công viên trước UBND xã Vĩnh Lợi	VL				2025	43A/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	999	999		999	999					999	999		999	999		0	0	0	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Vốn tính bổ sung có mục tiêu năm 2024					
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà xe, các phòng làm việc của Đảng ủy xã	VT				2025	49A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.131	1.131		1.131	1.131					1.131	1.131		1.131	1.131		0	0	0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành						
3	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa trụ sở Ủy ban Nhân dân xã Vĩnh Lợi	VL				2025	51A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.188	1.188		1.188	1.188					1.188	1.188		1.188	1.188		0	0	0	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lợi						
4	Nâng cấp, sửa chữa bộ phận một cửa trụ sở UBND xã Hoà Bình Thạnh	HBT				2025	50A/QĐ-UBND ngày 25/02/2025	1.133	1.133		1.133	1.133					1.133	1.133		1.133	1.133		0	0	0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành						
	II. BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC										3.025	1.471	1.554	867	867	-	-	-	-	396	396	-	396	-	396							
	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán và KLHT sau phê duyệt quyết toán										3.025	1.471	1.554	867	867					396	396		396		396							
B.2	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							0	0	0	37.312	4.621	32.691	8.998	0	8.998	10.000		10.000	17.626	0	17.626	7.626	-3.244	10.870							
	I. CHI TIẾT DỰ ÁN THEO TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC										37.312	4.621	32.691	8.998	0	8.998	9.000		9.000	16.626	0	16.626	7.626	-3.244	10.870							
I	GIÁO DỤC ĐẠO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP										6.682	0	6.682	2.485	0	2.485	5.286		5.286	3.304	0	3.304	-1.982	-3.244	1.262							
L1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										700	0	700	0	0	0	500		500	500	0	500	0	0	0							
1	Trường THCS An Châu	AC				2023-2026					500	500					300		300	300		300	0	0	0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành						
2	Trường TH A An Châu	AC				2024-2027					200	200					200		200	200		200	0	0	0	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Thành						
L2	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ										5.982	0	5.982	2.485	0	2.485	4.786		4.786	2.804	0	2.804	-1.982	-3.244	1.262							
	Dự án chuyển tiếp										4.282	0	4.282	1.760	0	1.760	4.090	0	4.090	1.829	0	1.829	-2.261	-3.023	762							



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
1	Trường TH A Tân Phú điểm chính (Tân Thành)	TP		8034285		2023-2025	911/QĐ-UBND 22/6/2023; 854/QĐ-UBND 24/5/2024				0			0			683		683	-		0	-683	-683		Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
2	Trường TH Vĩnh Lợi điểm chính (Hòa Lợi 1)	VL		8042959		2023-2026	1325/QĐ-UBND 17/8/2023; 961/QĐ-UBND 12/6/2024				0			0			1.123		1.123	-		0	-1.123	-1.123		Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
3	Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	HBT		7988714		2023-2026	2697/QĐ-UBND 08/11/2022				2.656		2.656	1.630		1.630	700		700	781		781	81		81	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
4	Trường TH A Vĩnh An điểm chính (Vĩnh Quới)	VA		8037332		2023-2026	1122/QĐ-UBND 13/7/2023; 771/QĐ-UBND 13/5/2024				53		53	0			504		504	53		53	-451	-451		Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
5	Trường THCS Vĩnh Lợi	VL		8027342		2024-2026	474/QĐ-UBND 13/4/2023				314		314	0			1.080		1.080	314		314	-766	-766		Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
6	Trường TH B Bình Hoà điểm chính (ấp Bình Phú 1)	BH		8115920		2023-2025	429/QĐ-UBND 24/11/2023				1.259		1.259	130		130	0			681		681	681		681	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
*	Dự án khởi công mới										1.700	0	1.700	725	0	725	696	0	696	975	0	975	279	-221	500					
1	Trường THCS Vĩnh An	VA		8028963		2024-2026	715/QĐ-UBND 24/5/2023				475		475	0			696		696	475		475	-221	-221		Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
3	Trường THCS Bình Thạnh	BT		8006139		2024-2026	3128/QĐ-UBND 26/12/2022				1.225		1.225	725		725	0			500		500	500		500	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
II	GIAO THÔNG										30.630	4.621	26.009	6.513	0	6.513	3.714		3.714	13.322	0	13.322	9.608	0	9.608					
	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ										30.630	4.621	26.009	6.513	0	6.513	3.714		3.714	13.322	0	13.322	9.608	0	9.608					
*	Dự án chuyển tiếp										30.630	4.621	26.009	6.513	0	6.513	3.714	0	3.714	13.322	0	13.322	9.608	0	9.608					
1	Tuyến DH.12 (cầu Bình Hòa-ranh Tri Tôn)	CT		7950343		2022-2025	2720/QĐ-UBND 17/11/2021; 4311/VPUBND-KTN ngày 20/08/2024				15.483		15.483	6.513		6.513	3.714		3.714	8.970		8.970	5.256		5.256	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
2	Tuyến DH.06 (Mộ Khánh - ranh Tri Tôn)	CT		7943778		2022-2025	2719/QĐ-UBND 17/11/2021; CV 794/VPUBND-KTN 18/02/2025	45.274	20.926	24.348	15.147	4.621	10.526	10.795	4.621	6.174	0	0		4.352		4.352	4.352		4.352	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Châu Thành				
	II. BỐ TRÍ CÁC NHIỆM VỤ KHÁC																1.000	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0						

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước			Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện Châu Thành)			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)			Chủ đầu tư	Ghi chú			
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
									Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		Vốn đầu tư tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất		giảm (-)	tăng (+)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28			
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (dành 10% kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)																1.000		1.000	1.000		1.000		0	0					

